TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2019/HNGĐ-ST
Ngày 05/3/2019
V/v: "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH BẾN TRE

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Bà Lê Thị Thúy Hằng
- *Các Hội thẩm nhân dân*:
1. Bà: Trần Thị Diễm Kiều
2. Bà: Phạm Thị Em

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông Đoàn Ngọc Sơn – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:* Bà Trần Hiền Diệu – Kiểm sát viên.

Ngày 05/3/2019 tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 62/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2019, về việc: "***Xin ly hôn***" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/02/2019 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: **Lê Thị Kiều T**, sinh năm: 1990.
+ Bị đơn: **Đặng Hoàng Đ**, sinh năm: 1987. Vắng mặt.
Cùng địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 07/01/2019, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn là chị Lê Thị Kiều T trình bày:

Chị và anh Đặng Hoàng Đ tự nguyện kết hôn vào năm 2009 có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện T, tỉnh Long An. Sau cưới vợ chồng sống chung với gia đình của chị tại xã An Phước, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2016 thì xảy ra mâu thuẫn do không cùng quan điểm. Anh Đ chỉ lo sống cho bản thân không quan tâm đến gia đình. Chị nhiều lần động viên khuyên giải nhưng không có kết qủa. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt hơn nên chị và anh Đ đã ly thân cho đến nay. Nay, chị nhận thấy tình cảm giữa chị và anh Đ không thể hàn gắn lại được nên xin ly hôn.

Trong thời gian chung sống chị và anh Đ có 02 con chung tên Đặng Hoàng Thái D, sinh ngày 25/3/2009 và Đặng Quỳnh A, sinh ngày 19/01/2014 hiện chị đang nuôi dưỡng. Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Đặng Hoàng Đ vắng mặt tại tòa nhưng có lời trình bày tại bản tự khai ngày 31/01/2019 như sau:

Anh và chị T kết hôn vào năm 2009, do không cùng quan điểm nên vợ chồng thường xuyên cải vả và xúc phạm lẫn nhau. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn nên anh và chị T đã ly thân được 02 năm. Nay chị T xin ly hôn anh cũng đồng ý.

Anh và chị T có 02 con chung là Đặng Hoàng Thái D, sinh ngày 25/3/2009 và Đặng Quỳnh A, sinh ngày 19/01/2014 hiện chị đang nuôi dưỡng. Anh đồng ý để chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh không phải cấp dưỡng.

Tài sản chung và nợ chung không có.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị Kiều T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe các đương sự phát biểu tranh luận. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là anh Đặng Hoàng Đ có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Xét thấy, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

[2] Về nội dung vụ kiện: Chị Lê Thị Kiều T và anh Đặng Hoàng Đ tự nguyện kết hôn vào năm 2009, có đăng ký kết hơn tại UBND xã V, huyện T, tỉnh Long An. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến tháng 2016 thì xảy ra mâu thuẫn do không cùng quan điểm trong cuộc sống nên đã ly thân cho đến nay. Chị T cho rằng, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh Đ không quan tâm đến gia đình. Chị nhiều lần động viên khuyên giải và tạo điều kiện để xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng không có kết qủa. Nay, chị T khẳng định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể hòa hợp nên xin ly hôn với anh Đ. Anh Đ cũng đồng ý ly hôn vì tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nhưng do bận việc làm ăn nên anh xin vắng mặt. Hội đồng xét xử thấy rằng, tình trạng hôn nhân của anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nhưng do anh Đ vắng mặt tại tòa nên Hội đồng xét xử không thể ghi nhận sự thuận tình ly hôn của anh chị được mà căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho anh Đ và chị T được ly hôn.

[3] Trong qúa trình chung sống, anh Đ và chị T có 02 con chung tên Đặng Hoàng Thái D, sinh ngày 25/3/2009 và Đặng Quỳnh A, sinh ngày 19/01/2014 cho nên cần xem xét đến vấn đề nuôi dưỡng. Chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Anh Đ cũng đồng ý. Xét thấy, việc trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn không những là quyền mà còn là nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chưa thành niên. Từ khi ly thân đến nay chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, các con được chị T quan tâm chăm sóc tốt không thấy có vi phạm gì. Hiện cháu D

cũng có nguyện vọng được sống với mẹ. Xét đây là sự tự nguyện của các bên nên ghi nhận.

Chị T không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con (mặc dù Tòa đã giải thích). Xét đây là sự tự nguyện của chị nên ghi nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung chị T, anh Đ khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên ghi nhận.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị Kiều T đối với anh Đặng Hoàng Đ.

+ Về hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị Kiều T và anh Đặng Hoàng Đ được ly hôn.

+ Về con chung: Chị Lê Thị Kiều T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung là Đặng Hoàng Thái D, sinh ngày 25/3/2009 và Đặng Quỳnh A, sinh ngày 19/01/2014 cho đến khi cháu D và cháu A tròn 18 tuổi. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Việc trông nom, chăm sóc, giáo dục con không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Chị T, anh Đ khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên ghi nhận.

+ Về án phí:

Chị Lê Thị Kiều T phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001097 ngày 15/01/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Chị T đã nộp đủ án phí.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án nguyên đơn có mặt tại tòa có quyền làm đơn kháng cáo, bị đơn vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại trụ sở UBND nơi cư trú của bị đơn để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- **TAND T. Bến Tre;**
- **VKS H. Châu Thành;**
- **THADS H. Châu Thành;**
- **Các đương sự;**
- **UBND nơi đăng ký kết hôn.**
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Lê Thị Thúy Hằng